

Số: 02 /QĐ-QPTKHCN

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của
Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 472/QĐ-TTg ngày 25/03/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung năm 2026 dự toán chi thường xuyên vốn ngân sách trung ương cho 09 địa phương để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW;

Căn cứ Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trích ngân sách tỉnh năm 2026 bổ sung kinh phí cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ;

Căn cứ Quyết định số 200/QĐ-SKHCN ngày 22/5/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo số 6103/STC-HCSN ngày 17/5/2026 của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên thông báo bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Sở Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-KHCN ngày 22/5/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Hình thức công khai: Công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

Thời gian công khai: 90 ngày.

Điều 3. Chánh văn phòng, Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc;
- Sở Tài chính;
- BBT Website Sở (Đăng công khai);
- Lưu: VT, VP. 

GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Thiên

Đơn vị: Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

Chương: 417

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 02 /QĐ-QPTKHCN ngày 25/5/2026 của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.850
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.850
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	5.850
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	5.850
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	5.850
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	Chi hoạt động kinh tế	-
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

